

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ
Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Y khoa;

Chuyên ngành: Da liễu

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: **ĐỖ THỊ THU HIỀN**

2. Ngày tháng năm sinh: 06/04/1975; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Xã Hoàng Long, huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Phòng 108 A3, Tập thể Văn phòng Chính Phủ, Ngõ 4 Phương mai, Đống Đa, Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bru điện): Số 21, Ngõ 4, Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội.

Điện thoại di động: 0915807214

E-mail: hienphuonglinh@yahoo.com

kuvsa2010@gmail.com

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng, năm đến tháng năm	Công việc, chức vụ, cơ quan
10/1998 – 4/2004	Bác sĩ Khoa Điều trị Bệnh da nam giới, Viện Da liễu Quốc gia. Kiêm nhiệm làm việc tại Phòng Chỉ đạo tuyến
4/2004- 4/2006	Học thạc sỹ tại Đại học Flinders, Úc. Học bổng phát triển Úc ADS
4/2006 – 6/2006	Thạc sỹ - Bác sĩ, Khoa Điều trị Bệnh da nam giới, Viện Da liễu Quốc gia.
6/2006 – 8/2008	Thạc sỹ - Bác sĩ, Phòng Kế Hoạch Tổng Hợp - Quản trị - Vật tư Y tế; Viện Da liễu Quốc gia; Kiêm nhiệm công tác khám bệnh tại Khoa Khám Bệnh, Viện Da liễu Quốc gia.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

8/2008 – 4/2009	Thạc sĩ - Bác sĩ /Phó Trưởng Phòng Kế Hoạch Tổng Hợp - Quản trị - Vật tư Y tế, Viện Da liễu Quốc gia; Kiêm nhiệm công tác khám bệnh tại Khoa Khám Bệnh, Viện Da liễu Quốc gia.
4/2009 – 4/2013	Học Tiến sỹ tại Đại học Kagoshima Nhật Bản – Học Bổng Chính phủ Nhật - Monbukagakusho
4/2013 – 5/2015	Tiến sĩ - Bác sĩ/Phó Trưởng phòng Kế Hoạch Tổng Hợp - Quản trị - Vật tư Y tế, Bệnh viện Da liễu Trung ương; Kiêm nhiệm công tác khám bệnh tại Khoa Khám Bệnh.
5/2015 - Nay	Tiến sĩ - Bác sĩ/Trưởng phòng Kế Hoạch Tổng Hợp, Bệnh viện Da liễu Trung ương; Kiêm nhiệm công tác khám bệnh tại Khoa Khám Bệnh.
12/2016 - Nay	Tiến sĩ - Bác sĩ - Giảng viên kiêm nhiệm, Bộ môn Da liễu, Trường Đại học Y Hà nội
02/2004 - Nay	Tiến sĩ - Bác sĩ - Trưởng Bộ môn Da liễu, khoa Y, Đại học Y Dược, Đại học Quốc gia Hà nội

Chức vụ hiện nay:

Trưởng Phòng Kế Hoạch Tổng Hợp, Bệnh viện Da liễu Trung ương

Trưởng Bộ môn Da liễu, khoa Y, Đại học Y Dược, Đại học Quốc gia Hà nội

Chức vụ cao nhất đã qua:

Trưởng Phòng Kế Hoạch Tổng Hợp, Bệnh viện Da liễu Trung ương

Trưởng Bộ môn Da liễu, khoa Y, Đại học Y Dược, Đại học Quốc gia Hà nội

Cơ quan công tác hiện nay:

1. Bệnh viện Da liễu Trung ương

Địa chỉ cơ quan: 15A Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại cơ quan: 024.35765482

2. Đại học Y Dược, Đại học Quốc gia Hà nội

Địa chỉ: 144 Xuân Thủy, Dịch Vọng Hậu, Cầu Giấy, Hà Nội

Số điện thoại: 024 3745 0188

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học: Bộ môn Da liễu, Trường Đại học Y Hà nội

Kiểm nhiệm Trưởng Bộ môn Da liễu, khoa Y, Đại học Y Dược, Đại học Quốc gia Hà nội

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): Trường Đại học Y Hà Nội

9. Trình độ đào tạo:

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Được cấp bằng ĐH ngày 25 tháng 8 năm 1998; số văn bằng: 88849; ngành: Y, chuyên ngành: Bác sỹ đa khoa; loại hình đào tạo: chính quy; Nơi cấp bằng ĐH: Trường Đại học Y Hà Nội, Việt Nam

- Được cấp Chứng chỉ môn sau đại học Định hướng chuyên khoa Chuyên ngành Da liễu (318 tiết) ngày 12/09/2021; số chứng chỉ 973/SĐH-YHN. Nơi cấp Chứng chỉ: Trường Đại học Y Hà Nội, Việt Nam

- Được cấp bằng ĐH ngày 14 tháng 07 năm 1998; số văn bằng: 107877; ngành: Tiếng Anh; chuyên ngành: Cử nhân ngoại ngữ; loại hình đào tạo: tại chức; Nơi cấp bằng ĐH: trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học quốc gia Hà Nội, Việt nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 19 tháng 04 năm 2007; số văn bằng: 20031962; ngành: Chăm sóc sức khỏe ban đầu (Primary Health Care); chuyên ngành: Thạc sỹ khoa học chăm sóc sức khỏe ban đầu (Master of Science Primary Health Care); Nơi cấp bằng ThS: Đại học Flinders Nam Úc, Australia.

- Được cấp bằng TS ngày 31 tháng 03 năm 2013; số văn bằng: 229 ; ngành: Y; chuyên ngành: Tiến sỹ Khoa học Y khoa; Nơi cấp bằng TS: Đại học Kagoshima, Nhật Bản

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày tháng năm , ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Y Dược, Đại học Quốc gia Hà nội

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Y học

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Nghiên cứu về các bệnh da mạn tính

- Nghiên cứu về bệnh bạch biến

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn chính 09 học viên SĐH, bao gồm 05 HVCH, 03 BSNT, 01 CK2 bảo vệ thành công luận văn tốt nghiệp

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: Chủ nhiệm 02 đề tài NCKH cấp cơ sở đã nghiệm thu; Đồng Chủ nhiệm 01 đề tài NCKH cấp cơ sở đã nghiệm thu.

- Đã công bố 46 bài báo khoa học, trong đó có 10 bài báo khoa học công bố trên các tạp chí quốc tế có uy tín thuộc danh mục Scopus/PubMed; trong đó ứng viên là tác giả chính và tác giả liên hệ của 6 bài báo quốc tế, bao gồm 02 bài báo trước Tiến sĩ và 04 bài báo sau Tiến sĩ.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Số lượng sách đã xuất bản: Tham gia biên soạn 02 sách, bao gồm 01 sách tham khảo và 01 sách Hướng dẫn thuộc nhà xuất bản có uy tín;

- Tham gia biên soạn/ biên tập/hội đồng chuyên môn nghiệm thu:

+ Hướng dẫn quản lý bệnh nghề nghiệp” được Bộ Y tế ban hành theo thông tư số 28/2016 TT-BYT ngày 30/6/2016, với vai trò là thành viên Tổ biên tập theo QĐ số 208/QĐ-BYT ngày 22/01/2016

+ “Hướng dẫn quy trình kỹ thuật chuyên ngành Da liễu” được Bộ Y tế ban hành theo quyết định số 4790/QĐ-BYT ngày 25/10/2017, với vai trò là thành viên Tiểu ban soạn thảo theo QĐ số 1980/QĐ-BYT ngày 23/05/2016 và thư ký Hội đồng nghiệm thu theo QĐ số 1989/QĐ-BYT ngày 18/5/2017

+ “ Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị bệnh lậu, Chlamydia Trchomatis, nhiễm Herpes simplex sinh dục, bệnh Sùi mào gà, bệnh Giang mai” được Bộ Y tế ban hành theo quyết định số 5165/QĐ-BYT, 5169/QĐ-BYT, 5183/QĐ-BYT, 5185/QĐ-BYT, 5186/QĐ-BYT ngày 09/11/2021, với vai trò là thành viên Hội đồng chuyên môn nghiệm thu theo QĐ số 3548/QĐ-BYT ngày 22/7/2021.

+ “Danh mục chuyên môn trong khám bệnh chữa bệnh” được Bộ Y tế ban hành theo quyết định số 4453/QĐ-BYT ngày 16/9/2021 và Quyết định 2538/QĐ-BYT ngày 15/6/2023 với vai trò là thành viên Tổ biên tập theo QĐ số 5844/QĐ-BYT ngày 28/12/2017.

+ “Hướng dẫn Chẩn đoán và điều trị các Bệnh da liễu” được Bộ Y tế ban hành theo quyết định số 4416/QĐ-BYT ngày 06/12/2023, với vai trò là thành viên ban soạn thảo (biên soạn bài: Bệnh bạch biến - liệt kê tại mục 14 trong mẫu 01) và thư ký Hội đồng chuyên môn nghiệm thu theo QĐ số 3303/QĐ-BYT ngày 22/08/2023.

+ “Quy trình kỹ thuật điều dưỡng bổ sung năm 2023” do Giám đốc Bệnh viện Da liễu trung ương ban hành theo quyết định 1927/QĐ-BVDLTW ngày 19/10/2023, với vai trò là Phó chủ tịch Hội đồng thẩm định theo Quyết định số 1560/QĐ-BVDLTW ngày 31/8/2023.

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở liên tục các năm

Năm 2015 (QĐ 181/QĐ-BVDLTW 25/02/2016)

Năm 2016 (QĐ 98/QĐ-BVDLTW 15/02/2017)

Năm 2017 (QĐ 60/QĐ-BVDLTW 22/01/2018)

Năm 2018 (QĐ 70/QĐ-BVDLTW 16/01/2019)

Năm 2019 (QĐ 248/QĐ-BVDLTW 11/02/2020)

Năm 2020 (QĐ 55/QĐ-BVDLTW 14/01/2021)

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
Năm 2021 (QĐ 1625/QĐ-BVDLTW 21/12/2021)

Năm 2023 (QĐ số 141/QĐ-BVDLTW ngày 23/01/2024)

- Bằng khen của Bộ Y tế các năm

Năm 2016 (QĐ 2028/QĐ-BYT 22/05/2017)

Năm 2018 (QĐ 1729/QĐ-BYT 12/03/2019)

Năm 2019-2020 (QĐ 1729/QĐ-BYT 27/03/2021)

- Giấy khen Đảng bộ Thành phố Hà nội – Quận ủy Đống Đa về Đảng viên đạt tiêu chuẩn
“Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 5 năm liền (từ năm 2018 đến năm 2022) (QĐ số 1185-
QĐ/QU)

- Thầy thuốc ưu tú: theo kết quả xét duyệt của Hội đồng cấp Nhà nước xét tặng danh hiệu
"Thầy thuốc Nhân dân", "Thầy thuốc Ưu tú" lần thứ 14, thành lập theo Quyết định số
278/QĐ-TTg, ngày 22/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ (STT 1217 trong danh sách kết quả
xét chọn).

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn
hiệu lực của quyết định): Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

1.1 Phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống:

- Tuyệt đối trung thành với Tổ quốc; luôn chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng,
pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy chế của tổ chức.

- Có phẩm chất đạo đức tốt, lối sống lành mạnh; tôn trọng đồng nghiệp, có tinh thần phục
vụ nhân dân đúng đắn, hết lòng với học trò.

- Luôn có ý thức nâng cao kiến thức chuyên sâu, rèn luyện kỹ năng, phẩm chất của một nhà
giáo, thầy thuốc.

1.2 Công tác giảng dạy:

- Ứng viên tham gia thỉnh giảng tại Bộ môn Da liễu Trường Đại học Y Hà nội, có thâm niên
đào tạo 07 năm, trong đó 03 năm cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ 1/7/2024, và
đủ định mức giờ chuẩn giảng dạy mỗi năm. Ứng viên luôn tích cực áp dụng phương pháp
giảng dạy hiện đại, chú trọng nâng cao chất lượng đào tạo, lấy người học làm trung tâm.
Hoàn thành tốt nhiệm vụ của giảng viên theo quy định hiện hành. Ứng viên tham gia giảng
dạy các chuyên ngành, môn học sau:

+ Đào tạo đại học: Bệnh học da liễu, Bệnh lây truyền qua đường tình dục

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
+ Đào tạo sau đại học (Cao học, CKI, CKII, Bác sĩ nội trú): Da liễu đại cương, Bệnh da dị ứng miễn dịch và bệnh da viêm, Bệnh đờ da có vảy, Bệnh da nhiễm khuẩn, Bệnh da do nấm-ký sinh trùng, Bệnh da do virus, Bệnh da tự miễn, Bệnh lý phần phụ của da, Rối loạn sắc tố, Bệnh lây truyền qua đường tình dục.

- Ứng viên tham gia xây dựng bài giảng và bộ câu hỏi lượng giá theo sự phân công của Bộ môn Da liễu Trường Đại học Y Hà nội. Ứng viên trực tiếp tham gia biên soạn sách tham khảo “Bệnh học da liễu tập 2 và 3”, được Hiệu trưởng trường Đại học Y Hà nội ban hành theo quyết định số 5897/QĐ-ĐHYHN ngày 30/12/2016 với vai trò là thành viên Ban biên soạn (các bài giảng được phân công biên soạn bao gồm Cấu trúc tóc, phân loại rụng tóc và một số kỹ thuật khám chẩn đoán rụng tóc, Rụng tóc Androgen, Rụng tóc từng vùng) và hiện đang cùng với bộ môn Da liễu trường Đại học Y Hà nội tham gia biên soạn sách giáo trình “Da liễu học” dành cho đối tượng Sau đại học (các bài giảng được phân công biên soạn bao gồm Trúng cá, Trúng cá đỏ, Viêm da dầu, Bạch biến, Corticoid tại chỗ và toàn thân, Bệnh chốc và Hội chứng bong vảy da do tụ cầu, Nhiễm khuẩn da và mô mềm), dự kiến hoàn thiện và ban hành vào cuối năm 2024.

- Ứng viên đã hướng dẫn chính 09 học viên SDH, bao gồm 05 HVCH, 03 BSNT, 01 CK2 bảo vệ thành công luận văn tốt nghiệp.

- Ứng viên thường xuyên được giao nhiệm vụ là phản biện, ủy viên, thư ký cho các Hội đồng đánh giá luận văn thạc sĩ, bác sĩ nội trú, bác sĩ chuyên khoa cấp 2 chuyên ngành Da liễu tại trường Đại học Y Hà nội

- Ứng viên được bổ nhiệm làm Trưởng Bộ môn Da liễu Trường Đại học Y dược Đại học Quốc gia Hà nội theo Quyết định số 189/QĐ-ĐHYD ngày 16/02/2024. Ứng viên đã trực tiếp chủ trì xây dựng đề cương chương trình đào tạo cho các đối tượng Y5 đa khoa, Y5 Răng hàm mặt, Cao học và Nội trú Răng hàm mặt, Điều dưỡng; xây dựng bài giảng, ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm cho các học phần trên, dự kiến thẩm định và thông qua cuối năm 2024. Ngoài ra ứng viên đang lên kế hoạch đào tạo cán bộ bộ Bộ môn về chuyên môn và phương pháp giảng dạy để đáp ứng tiêu chí đào tạo của Nhà trường, tiến tới đăng ký với Nhà trường triển khai đào tạo sau đại học cho các đối tượng bác sĩ chuyên khoa 1, thạc sĩ, bác sĩ chuyên khoa 2, tiến sĩ...chuyên ngành da liễu, triển khai các lớp đào tạo ngắn hạn theo nhu cầu xã hội về thẩm mỹ nội khoa...

- Ứng viên tham gia Hội đồng thẩm định sách “Điều dưỡng trong chuyên ngành Da liễu” với vai trò là ủy viên thư ký theo Quyết định số 1373/QĐ-BVDLTW ngày 04/12/2018. Sách đã được ban hành theo Quyết định số 1380/QĐ-BVDLTW ngày 05/12/2018

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Ứng viên tham gia hội đồng nghiệm thu chương trình và tài liệu đào tạo liên tục “Ứng dụng laser, ánh sáng và các thiết bị phát năng lượng trong chuyên ngành Da liễu” theo Quyết định số 2328/QĐ-BVDLTW ngày 15/12/2023 của Giám đốc Bệnh viện Da liễu trung ương với vai trò là Ủy viên, thư ký. Chương trình và tài liệu đào tạo liên tục này đã được ban hành theo Quyết định số 2434/QĐ-BVDLTW ngày 27/12/2023 của Giám đốc Bệnh viện Da liễu trung ương.

- Ứng viên tham gia hội đồng nghiệm thu chương trình và tài liệu đào tạo liên tục “Chăm sóc da thẩm mỹ” theo Quyết định số 2329/QĐ-BVDLTW ngày 15/12/2023 của Giám đốc Bệnh viện Da liễu trung ương với vai trò là Ủy viên, phản biện. Chương trình và tài liệu đào tạo liên tục này đã được ban hành theo Quyết định số 2433/QĐ-BVDLTW ngày 27/12/2023 của Giám đốc Bệnh viện Da liễu trung ương.

- Ứng viên là Ủy viên, Thư ký của Hội đồng Khoa học công nghệ và đào tạo Bệnh viện Da liễu trung ương theo Quyết định số 1370/QĐ-BVDLTW ngày 21/09/2022, thường xuyên tham gia các hội đồng thông qua ý tưởng nghiên cứu khoa học, đề cương và nghiệm thu các đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở.

- Ứng viên là thành viên của Hội đồng đạo đức Bệnh viện Da liễu trung ương theo Quyết định số 1235/QĐ-BVDLTW ngày 06/9/2022, thường xuyên tham gia các Hội đồng đạo đức của Bệnh viện thông qua các đề tài nghiên cứu khoa học có can thiệp trên người bệnh, thử nghiệm lâm sàng.

1.3 Công tác nghiên cứu khoa học:

- Ứng viên luôn có ý thức kết hợp công tác khám chữa bệnh, giảng dạy, với nghiên cứu khoa học, từ đó đưa ra các ý tưởng, câu hỏi nghiên cứu và triển khai các đề tài nghiên cứu khoa học. Ứng viên đã công bố 46 bài báo khoa học trên các tạp chí chuyên ngành uy tín trong nước và quốc tế, trong đó có 10 bài báo khoa học công bố trên các tạp chí quốc tế có uy tín thuộc danh mục Scopus/PubMed; trong đó ứng viên là tác giả chính và tác giả liên hệ của 6 bài báo quốc tế, bao gồm 02 bài báo trước Tiến sĩ và 04 bài báo sau Tiến sĩ.

- Ứng viên được phân công làm Trưởng Nhóm chuyên môn về bệnh Bạch biến và bệnh da giảm sắc tố theo Quyết định số 1638/QĐ-BVDLTW ngày 13/10/2022. Ứng viên cùng các thành viên trong nhóm đã tích cực tham gia xây dựng Phòng khám chuyên đề Bạch biến và bệnh da giảm sắc tố tại Bệnh viện Da liễu Trung ương, xây dựng quy trình khám và quản lý bệnh nhân khoa học, cập nhật, với phác đồ chẩn đoán và điều trị chuyên sâu. Ngoài ra nhóm còn đưa ra các ý tưởng, câu hỏi nghiên cứu và triển khai các đề tài nghiên cứu khoa học, tham gia báo cáo khoa học về Bạch biến và bệnh da giảm sắc tố.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 07 năm (ký hợp đồng giảng dạy với Trường Đại học Y Hà nội từ năm 2016 đến thời điểm hiện tại 1/7/2024).

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Cơ sở thỉnh giảng	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2 / BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
			Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2017-2018	ĐHYHN					0	162,5	162,5/162,5/140
2	2018-2019	ĐHYHN					12	130	142/142/140
3	2019-2020	ĐHYHN	x		01 ThS 01 BSNT		12	158	170/220/140
4	2020-2021	ĐHYHN	x		01 ThS		0	141,5	141,5/166,5/140
03 năm học cuối									
5	2021-2022	ĐHYHN	x		02 ThS 01 BSNT		14	123	137/212/135
6	2022-2023	ĐHYHN	x		01 CK2		10	80	90/140/135
7	2023-2024	ĐHYHN	x				0	137,1	137,1/137,1/135

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước:; Từ năm đến năm

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- HọcThS ; Tại nước: Úc; Từ năm 2004 đến năm 2006

- Bảo vệ luận văn ThSKH ; tại nước: Úc năm 2006

- HọcTS ; Tại nước: Nhật; Từ năm 2009 đến năm 2013

- Bảo vệ luận văn TSKH ; tại nước: Nhật năm 2013

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: Đại học Ngoại Ngữ - Đại học Quốc gia Hà nội, số bằng: 107877; năm cấp:1998

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Cử nhân Ngoại ngữ

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Thị Thu Nhiên		HVCH	x		2019-2020	Đại học Y Hà Nội	16/12/2019 Số hiệu: 2000692 Số vào sổ cấp bằng: 0050-ThS/2019
2	Nguyễn Thị Thảo Nhi		BSNT	x		2019-2020	Đại học Y Hà Nội	16/12/2019 Số hiệu: 2001284 Số vào sổ cấp bằng: 0611-ThS/2019
3	Nguyễn Thái Minh Hào		HVCH	x		2020-2021	Đại học Y Hà Nội	28/02/2022 Số hiệu: YHN2003037 Số vào sổ cấp bằng: 0037-ThS/2022
4	Nguyễn Thị Linh Lan		HVCH	x		2021-2022	Đại học Y Hà Nội	28/02/2022 Số hiệu: YHN2003030 Số vào sổ cấp bằng: 0030-ThS/2022
5	Lê Văn Trung		BSNT	x		2021-2022	Đại học Y Hà Nội	08/03/2022 Số hiệu: YHN2003626

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

							Số vào sổ cấp bằng: 0622-ThS/2022
6	Triệu Thị Huyền Trang		HVCH	x		2021-2022	Đại học Y Hà Nội 16/01/2023 Số hiệu: YHN2004011 Số vào sổ cấp bằng: 032-ThS/2023
7	Trịnh Thu Huyền		HVCH	x		2022-2023	Đại học Y Hà Nội 29/12/2023 Số hiệu: YHN2005350 Số vào sổ cấp bằng: 0986-ThS/2023
8	Lương Thị Minh Thúy		BSNT	x		2022-2023	Đại học Y Hà Nội 28/12/2023 Quyết định số 7120/QĐ-ĐHYHN ngày 28/12/2023 công nhận tốt nghiệp và cấp bằng thạc sĩ cho BSNT khóa 46, khóa 45
9	Thân Trọng Tuy		CK2	x		2022-2023	Đại học Y Hà Nội 29/12/2023 Số hiệu: 013072 Số vào sổ cấp bằng: 286-CKII/2023

Ghi chú: Theo thống kê của Trường ĐHYHN từ năm 2017 đến ngày hết hạn nộp hồ sơ ứng viên hướng dẫn chính 07 học viên đã bảo vệ thành công luận văn, trong đó năm 2022-2023 hướng dẫn 01 học viên. Tuy nhiên, trên thực tế năm 2022-2023 ứng viên hướng dẫn 03 học viên đã bảo vệ thành công luận văn, có minh chứng bằng quyết định giao nhiệm vụ và bằng tốt nghiệp của học viên. Vì vậy tổng số học viên ứng viên hướng dẫn chính đã bảo vệ thành công luận văn từ năm 2017 đến 1/7/2024 là 09 học viên.

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận TS						
1							
2							
...							
II	Sau khi được công nhận TS						

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

1	Bệnh học da liễu tập 2 và 3	TK	Nhà xuất bản Y học 2017	33	Chương XVII Trang 68-92	Đại học Y Hà nội ban hành theo quyết định số 5897/QĐ-ĐHYHN ngày 30/12/2016 Số xác nhận ĐKXB: 27-2017/CXBIPH/4-02/YH QĐXB số 12/QĐ-XBYH ngày 10/01/2017 ISBN: 978-604-66-2464-6
2	Hướng dẫn Chẩn đoán và điều trị các Bệnh da liễu	HD	Nhà xuất bản Y học Hà nội 2024	13	Trang 420-426	Bộ Y tế ban hành theo quyết định số 4416/QĐ-BYT ngày 06/12/2023 Số xác nhận ĐKXB: 309-2024/CXBIPH/3-13/YH QĐXB số 34/QĐ-XBYH ngày 31/01/2024 ISBN: 978-604-66-6508-3

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: [],.....

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I Trước khi được công nhận TS					
1					
2					
...					
II Sau khi được công nhận TS					
1	Nghiên cứu pha chế mỡ Povidone-Iod glucose dùng trong điều trị loét da mãn tính tại Bệnh	CN	488/HĐKH-BVDLTW Cấp cơ sở	2014-2015	Nghiệm thu ngày 19/8/2015 Xếp loại kết quả: Giỏi

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

	viện Da liễu Trung ương.				
2	Đánh giá hiệu quả của mỡ Povidone-Iodine glucose trong điều trị bệnh da mãn tính ở bệnh nhân phong	CN	1283/HĐKH-DLTW Cấp cơ sở	2016-2017	Nghiệm thu ngày 19/12/2017 Xếp loại kết quả: Xuất sắc
3	Nghiên cứu bệnh chứng về mối liên quan giữa phơi nhiễm với thủy ngân và bệnh viêm da cơ địa người lớn	Đồng CN	150/HĐĐĐ-BVDLTW ngày 17/02/2016	2016-2017	- Nghiệm thu giai đoạn 1 tại BVDLTW ngày 14/12/2016. - Đã nghiệm thu giai đoạn 2 tại Nhật Bản năm 2017 và công bố kết quả nghiên cứu trên báo khoa học (bài báo số [3], mục 7.1.a)

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I Trước khi được công nhận TS								
Bài báo quốc tế								
1	Healthcare-seeking behaviour for Sexually Transmitted Infections among women attending the National Institute of Dermatology and Venereology in Vietnam.	3	X (tác giả thứ nhất và liên hệ)	Sexually Transmitted Infections ISSN / eISSN: 1368-4973 / 1472-3263	ISI, Web of Science IF 3,395	34	Volume 83: page 406-410. doi: 10.1136/sti.2006.022079	2007
2	The etiologic role of human papillomavirus in penile cancers: a study in Vietnam.	9	X (tác giả thứ nhất)	British Journal of Cancer ISSN / eISSN: 0007-0920 / 1532-1827	ISI, Web of Science IF 4,817	27	Volume 108, Issue 1, page 229-33 doi: 10.1038/bjc.2012.583	2013

Bài báo trong nước								
II Sau khi được công nhận TS								
Bài báo quốc tế								
3	Hair mercury levels in relation to fish consumption among Vietnamese in Hanoi.	8		Journal of Toxicological Sciences ISSN:0388-1350E-ISSN:1880-3989	Scopus, PubMed (Q2) IF 1,719	13	Volume 42, Issue 5, page 651-662 doi: 10.2131/jts.42.651	2017
4	Smoke-free environment policy in Vietnam: what did people see and how did they react when they visited various public places?	12		Journal of preventive medicine and hygiene ISSN:1121-2233	Scopus, PubMed (Q2) IF 1,933	11	Volume 60, Issue 1, page E36-E42. doi: 10.15167/2421-4248/jpmh2019.60.1.942	2019
5	The Decline of PUVA Therapy in Vietnam: Effective Treatment of Narrow Band UVB in Vietnamese Vitiligo Patients.	16	X (tác giả thứ nhất)	Open Access Macedonian Journal of Medical Sciences E-ISSN:1857-9655	Scopus, PubMed (Q3) IF 0,26	4	Volume7, Issue 2, page 256-258. doi: 10.3889/oamjms.2019.068.	2019
6	The Effectiveness of Narrow Band Uvb (Nb-Uvb) In the Treatment of Pityriasis Lichenoides Chronica (PLC) In Vietnam.	17		Open Access Macedonian Journal of Medical Sciences E-ISSN:1857-9655	Scopus, PubMed (Q3) IF 0,26	8	Volume7, Issue 2, page 221-223. doi: 10.3889/oamjms.2019.055.	2019
7	Efficacy of Narrow - Band UVB Phototherapy versus PUVA Chemophotherapy for Psoriasis in Vietnamese Patients.	17		Open Access Macedonian Journal of Medical Sciences E-ISSN:1857-9655	Scopus, PubMed (Q3) IF 0,26	10	Volume7, Issue 2, page 227-230. doi: 10.3889/oamjms.2019.057	2019
8	Auto-antibody profile and clinical presentation of Vietnamese with systemic sclerosis.	3	X (tác giả thứ nhất và liên hệ)	Australasian Journal of Dermatology ISSN / eISSN: 0004-8380 / 1440-0960	ISI, Web of Science (Q2) IF 2,481	2	Volume 62, Issue 2, page e301-e303. doi: 10.1111/ajd.13511	2021

9	Comparison of oral itraconazole given for two days plus topical tacrolimus versus topical tacrolimus for maintenance treatment of seborrheic dermatitis in Vietnam.	3	X (tác giả thứ nhất và liên hệ)	Indian Journal of Dermatology & Venereology ISSN / eISSN: 0378-6323 / 0973-3922	ISI, Web of Science IF 2.9	Volume 89, Issue 5, page 748-750 doi: 10.25259/IJDVL_319_2022.	2023
10	Efficacy of 308 nm monochromatic excimer lamp and topical tacrolimus combination therapy in localized vitiligo: a study in Vietnam.	3	X (tác giả thứ nhất và liên hệ)	International Journal of Dermatology and Venereology. ISSN:2096-5540 E-ISSN:2641-8746	Scopus IF 0,94 (Q3)	Volume 6, Issue 4, page 224-228; doi: 10.1097/JD9.0000000000000326	2023
Bài báo trong nước							
11	Nghiên cứu định danh chủng nấm gây bệnh nấm móng và mối liên quan với các yếu tố nguy cơ.	3		Tạp chí Y học thực hành ISSN: 1859-1663		Số 11, trang 252-255.	2019
12	Đặc điểm lâm sàng và các yếu tố liên quan của bệnh paget ngoài vú tại da.	5		Tạp chí Da liễu học Việt Nam ISSN: 1859-4824		Số 32, trang 13-19	2020
13	So sánh kết quả điều trị giang mai sớm bằng ceftriaxone với benzathin penicilin.	4		Tạp chí Da liễu học Việt Nam ISSN: 1859-4824		Số 32, trang 27-32	2020
14	Hiệu quả điều trị bệnh viêm da dầu ở đầu bằng dầu gội ketocnazole 2% kết hợp với calcipotriol và betamethasone bôi tại chỗ.	3		Tạp chí Da liễu học Việt Nam ISSN: 1859-4824		Số 34, trang 5-14 DOI:10.56320/tcdl-hvn.v34i.27	2021
15	Đặc điểm lâm sàng và một số yếu tố liên quan bệnh nhân trứng cá đỏ khám tại bệnh viện da liễu trung ương.	2		Tạp chí Da liễu học Việt Nam ISSN: 1859-4824		Số 34, trang 15-23	2021

16	Hiệu quả điều trị đau sau zona bằng tiêm dưới da botulinum toxin.	3		Tạp chí Da liễu học Việt Nam ISSN: 1859-4824		Số 34, trang 51-58	2021
17	So sánh hiệu quả điều trị bệnh trứng cá đỏ bằng isotretinoin liều thấp và trung bình.	2		Tạp chí Da liễu học Việt Nam ISSN: 1859-4824		Số 35, trang 20-27 DOI: https://doi.org/10.56320/tcdlhvn.35.5	2022
18	Efficacy and safety of intravenous iloprost in the treatment of raynaud's phenomenon and digital ulcers in patient with systemic scleroderma.	5		Vietnamese journal of dermatology and venereology. ISSN: 1859-4824		Số 36, trang 18-25 Doi: https://doi.org/10.56320/tcdlhvn.36.70	2022
19	Dermoscopy features of port wine stains: The first study of 148 cases in Viet Nam.	5		Vietnamese journal of dermatology and venereology. ISSN: 1859-4824		Số 36, trang 71-77 doi: https://doi.org/10.56320/tcdlhvn.36.77	2022
20	Treatment of Keloids and hypertrophic scars by combined cryotherapy and intralesional triamcinolone.	4		Vietnamese journal of dermatology and venereology. ISSN: 1859-4824		Số 36, trang 32-39 doi: https://doi.org/10.56320/tcdlhvn.36.72	2022
21	Mối liên quan giữa kháng thể kháng U1-RNP và tổn thương một số cơ quan trong hội chứng Overlap của bệnh mô liên kết tự miễn.	6		Tạp chí Da liễu học Việt Nam ISSN: 1859-4824		Số 37, trang 22-30 DOI: https://doi.org/10.56320/tcdlhvn.37.22	2022
22	IgE đặc hiệu với 52 dị nguyên và mối liên quan với một số đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng trên bệnh nhân mày đay mạn tính.	3		Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868		Tập 522, Số 1, trang 254-260 DOI: https://doi.org/10.51298/vmj.v522i1.4273	2023
23	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng của tổn thương tiêu hóa	7		Tạp chí Da liễu học Việt Nam		Số 40, trang 15-25 DOI: https://doi.org/10.56320/tcdlhvn.40.15	2023

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

	ở bệnh nhân xơ cứng bì hệ thống.			ISSN: 1859-4824		56320/tcdlhvn.40.98	
24	Đặc điểm lâm sàng và một số yếu tố liên quan của bệnh viêm da cơ địa mức độ nặng tại bệnh viện Da liễu Trung ương.	7		Tạp chí Da liễu học Việt Nam ISSN: 1859-4824		Số 40, trang 54-63 DOI: https://doi.org/10.56320/tcdlhvn.40.102	2023
25	Nghiên cứu lâm sàng, căn nguyên hội chứng tiết dịch âm đạo tại Bệnh viện Da liễu Trung ương.	8		Tạp chí Da liễu học Việt Nam ISSN: 1859-4824		Số 40, trang 64-73 DOI: https://doi.org/10.56320/tcdlhvn.40.103	2023
26	Sự thay đổi một số xét nghiệm tuyến giáp ở bệnh nhân rụng tóc từng mảng.	8		Tạp chí Da liễu học Việt Nam ISSN: 1859-4824		Số 41, trang 17-26 DOI: https://doi.org/10.56320/tcdlhvn.41.113	2023
27	So sánh kết quả điều trị bệnh nấm thân mình bằng uống Itraconazole và Terbinafine tại Bệnh viện Da liễu Trung ương.	7		Tạp chí Da liễu học Việt Nam ISSN: 1859-4824		Số 41, trang 27-38 DOI: https://doi.org/10.56320/tcdlhvn.41.114	2023
28	Đặc điểm IgE đặc hiệu dị nguyên ở trẻ em Viêm da cơ địa.	8		Tạp chí Da liễu học Việt Nam ISSN: 1859-4824		Số 41, trang 56-64 DOI: https://doi.org/10.56320/tcdlhvn.41.117	2023
29	Cost-effectiveness analysis of sekukinumab versus standard of care in the treatment of psoriatic: A Vietnam National health insurance perspective.	8		Tạp chí nghiên cứu dược và thông tin thuốc. ISSN: 1859-364X		Tập 5, số 14, trang 1-9 DOI: https://doi.org/10.59882/1859-364X/122	2023
30	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng của bệnh nhân nữ mắc Lupus ban đỏ hệ thống đến khám và điều trị tại Bệnh viện Da liễu Trung ương từ tháng 01/2022-8/2023.	2		Vietnam Journal of Community Medicine. ISSN: 2354-0613		Tập 65, số 1, trang 94-101 DOI: https://doi.org/10.52163/yhc.v65i1.886	2024
31	Vai trò của IgE đặc hiệu dị nguyên trong chẩn đoán căn nguyên mày đay mạn tính.	2	X (tác giả thứ nhất và liên hệ)	Tạp chí Y học Việt Nam. ISSN: 1859-1868		Tập 538, số 03, trang 213-217 DOI: https://doi.org/10.51298/vmj.v538i3.9615	2024

32	Mối liên quan giữa thụ thể Estrogen với đặc điểm lâm sàng ở bệnh nhân Lupus ban đỏ hệ thống.	3	X (tác giả thứ nhất và liên hệ)	Tạp chí Y học Việt Nam. ISSN: 1859-1868		Tập 538, số 03, trang 71-75 DOI: https://doi.org/10.51298/vmj.v538i3.9578	2024
33	Đánh giá mối liên quan giữa mức độ Stress, chất lượng giấc ngủ, chất lượng cuộc sống và sự thay đổi nồng độ Hormone FSH, LH, Prolactin với kết quả điều trị bệnh trứng cá thông thường mức độ nặng bằng Isotretinoin.	2	X (tác giả thứ nhất và liên hệ)	Vietnam Journal of Community Medicine. ISSN: 2354 - 0613		Tập 65, số 2, trang 154-162. DOI: https://doi.org/10.52163/yhc.v65iCD2.1024	2024
34	Đặc điểm lâm sàng và một số yếu tố liên quan của bệnh bạch biến tại Bệnh viện Da liễu Trung ương giai đoạn 2016-2017.	3	X (tác giả thứ nhất và liên hệ)	Vietnam Journal of Community Medicine. ISSN: 2354 - 0613		Tập 65, số 2, trang 324-331. DOI: https://doi.org/10.52163/yhc.v65iCD2.1048	2024
35	Đặc điểm lâm sàng và các yếu tố liên quan của bệnh nấm móng tại Bệnh viện Da liễu Trung ương năm 2018.	3	X (tác giả thứ nhất và liên hệ)	Vietnam Journal of Community Medicine. ISSN: 2354 - 0613		Tập 65, số 2, trang 332-339. DOI: https://doi.org/10.52163/yhc.v65iCD2.1049	2024
36	Mối liên quan giữa thụ thể Estrogen tại tổn thương da với đặc điểm cận lâm sàng ở bệnh nhân Lupus ban đỏ hệ thống.	3	X (tác giả thứ nhất và liên hệ)	Vietnam Journal of Community Medicine. ISSN: 2354 - 0613		Tập 65, số 3, trang 213-220. DOI: https://doi.org/10.52163/yhc.v65i3.1078	2024
37	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng của bệnh nhân viêm da dầu mức độ vừa và nặng.	3	X (tác giả thứ nhất và liên hệ)	Vietnam Journal of Community Medicine. ISSN: 2354 - 0613		Tập 65, số 4, trang 36-42. DOI: https://doi.org/10.52163/yhc.v65i4.1193	2024
38	Hiệu quả của mỡ Povidone-Iodine trong điều trị loét lổ đảo.	3	X (tác giả thứ nhất và liên hệ)	Vietnam Journal of Community Medicine. ISSN: 2354 - 0613		Tập 65, số 3, trang 221-229. DOI: https://doi.org/10.52163/yhc.v65i3.1079	2024
39	Đặc điểm dịch tễ, lâm sàng và cận lâm sàng của bệnh	2	X (tác giả thứ	Vietnam Journal of		Tập 65, số 4, trang 101-108.	2024

	ghê tại Bệnh viện Da liễu Trung Ương		nhất và liên hệ)	Community Medicine. ISSN: 2354 - 0613			DOI: https://doi.org/10.52163/yhc.v65i4.1202	
40	Một số đặc điểm dịch tễ, lâm sàng và cận lâm sàng của bệnh nhân Viêm da cơ địa trẻ em tại Bệnh viện Da liễu Trung ương.	2	X (tác giả thứ nhất và liên hệ)	Tạp chí Y dược lâm sàng 108. ISSN 1859-2872			Tập 19, số 2, trang 69-74. DOI: https://doi.org/10.52389/ydls.v19i2.2179	2024
41	Mối liên quan giữa IgE toàn phần huyết thanh và đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng ở trẻ em viêm da cơ địa.	2	X (tác giả thứ nhất và liên hệ)	Tạp chí Y dược lâm sàng 108. ISSN 1859-2872			Tập 19, số 2, trang 81-85. DOI: https://doi.org/10.52389/ydls.v19i2.2181	2024
42	Mối liên quan giữa kháng thể kháng Topoisomerase I với tổn thương một số cơ quan trong bệnh xơ cứng bì hệ thống tại Bệnh viện Da liễu Trung ương.	3	X (tác giả thứ nhất và liên hệ)	Tạp chí khoa học và công nghệ Việt Nam. ISSN 2615-9759			Tập 66, số 5, trang 12-17. DOI: 10.31276/VJST.66(5).12-17	2024
43	So sánh kết quả điều trị bệnh nấm móng tay bằng uống Terbinafine liều hàng ngày và liều xung.	3	X (tác giả thứ nhất và liên hệ)	Tạp chí Y dược lâm sàng 108. ISSN 1859-2872			Tập 19, số 3, trang 38-45. DOI: https://doi.org/10.52389/ydls.v19i3.2204	2024
44	Mối liên quan giữa đặc điểm lâm sàng của nấm móng với các chủng nấm gây bệnh.	3	X (tác giả thứ nhất và liên hệ)	Tạp chí Y dược lâm sàng 108. ISSN 1859-2872			Tập 19, số 3, trang 53-59. DOI: https://doi.org/10.52389/ydls.v19i3.2206	2024
45	Ứng dụng kỹ thuật Immunoblot (Ana 23 Profile) trong xét nghiệm phát hiện tự kháng thể trên bệnh nhân xơ cứng bì hệ thống tại Bệnh viện Da liễu Trung ương.	2	X (tác giả thứ nhất và liên hệ)	Tạp chí khoa học và công nghệ Việt Nam. ISSN 2615-9759			Tập 66, số 6, trang 58-62. DOI: 10.31276/VJST.66(6).58-62	2024
46	Sự khác biệt về đặc điểm lâm sàng và một số yếu tố liên quan của bệnh nấm	3	X (tác giả thứ	Vietnam Journal of			Tập 65, số 5, trang 95-104.	2024

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

móng tay do nấm sợi và nấm móng tay do nấm men tại Bệnh viện Da liễu trung ương.	nhất và liên hệ)	Community Medicine. ISSN: 2354 – 0613				
--	------------------	--	--	--	--	--

- Trong đó: 04 ([6], [7], [8], [9],) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau TS:

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I Trước khi được công nhận PGS/TS							
1							
2							
...							
II Sau khi được công nhận PGS/TS							
1							
2							
...							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Sách tham khảo “Bệnh học da liễu tập 2 và 3”	Tham gia biên soạn các bài: Cấu trúc tóc, phân loại rụng tóc và một số kỹ thuật khám chẩn đoán rụng tóc; Rụng tóc Androgen; Rụng tóc từng vùng; (trang 68-92, chương XVII)		Trường Đại học Y Hà nội	Quyết định số 5897/QĐ-ĐHYHN ngày 30/12/2016	Số xác nhận ĐKXB: 27-2017/CXBIPH/4-02/YH QĐXB số 12/QĐ-XBYH ngày 10/01/2017 ISBN: 978-604-66-2464-6
2	Sách tham khảo “Điều dưỡng trong chuyên ngành Da liễu”	Tham gia hội đồng thẩm định sách với vai trò là Ủy viên, Thư ký	Quyết định số 1373/QĐ-BVDLTW ngày 04/12/2018	Bệnh viện Da liễu Trung ương	Quyết định số 1380/QĐ-BVDLTW ngày 05/12/2018	
3	Sách tham khảo “Ứng dụng laser, ánh sáng và các thiết bị phát năng lượng trong chuyên ngành Da liễu”	Tham gia hội đồng nghiệm thu chương trình và tài liệu đào tạo liên tục với vai trò là Ủy viên, Thư ký.	Quyết định số 2328/QĐ-BVDLTW ngày 15/12/2023	Bệnh viện Da liễu Trung ương	Quyết định số 2434/QĐ-BVDLTW ngày 27/12/2023	
4	Sách tham khảo “Chăm sóc da thẩm mỹ”	Tham gia hội đồng nghiệm thu chương trình và tài liệu đào tạo liên tục theo với vai trò là Ủy viên, Phản biện.	Quyết định số 2329/QĐ-BVDLTW ngày 15/12/2023	Bệnh viện Da liễu Trung ương	Quyết định số 2433/QĐ-BVDLTW ngày 27/12/2023	
5		Là Ủy viên, Thư ký của Hội đồng Khoa học công nghệ và đào tạo Bệnh viện Da liễu trung ương, thường xuyên tham gia các hội đồng thông qua ý tưởng nghiên cứu khoa học, đề cương và nghiệm thu	Quyết định số 1370/QĐ-BVDLTW ngày 21/09/2022	Bệnh viện Da liễu Trung ương		

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

		các đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở.				
6		Là thành viên của Hội đồng đạo đức Bệnh viện Da liễu trung ương, thường xuyên tham gia các Hội đồng đạo đức của Bệnh viện thông qua các đề tài nghiên cứu khoa học có can thiệp trên người bệnh, thử nghiệm lâm sàng.	Quyết định số 1235/QĐ-BVDLTW ngày 06/9/2022,			
7	Hướng dẫn quản lý bệnh nghề nghiệp	Là thành viên Tổ biên tập theo QĐ số 208/QĐ-BYT ngày 22/01/2016		Bộ y tế	Thông tư số 28/2016 TT-BYT ngày 30/6/2016	
8	Hướng dẫn quy trình kỹ thuật chuyên ngành Da liễu	Là thành viên Tiểu ban soạn thảo theo QĐ số 1980/QĐ-BYT ngày 23/05/2016 và thư ký Hội đồng nghiệm thu theo QĐ số 1989/QĐ-BYT ngày 18/5/2017		Bộ y tế	Quyết định số 4790/QĐ-BYT ngày 25/10/2017	
9	Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị bệnh lậu, Chlamydia Trchomatis, nhiễm Herpes simplex sinh dục, bệnh Sùi mào gà, bệnh Giang mai	Là thành viên Hội đồng chuyên môn nghiệm thu theo QĐ số 3548/QĐ-BYT ngày 22/7/2021.		Bộ y tế	Quyết định số 5165/QĐ-BYT, 5169/QĐ-BYT, 5183/QĐ-BYT, 5185/QĐ-BYT, 5186/QĐ-BYT ngày 09/11/2021	
10	Danh mục chuyên môn trong khám bệnh chữa bệnh	Là thành viên Tổ biên tập theo QĐ số 5844/QĐ-BYT ngày 28/12/2017.		Bộ y tế	Quyết định số 4453/QĐ-BYT ngày 16/9/2021 và Quyết định 2538/QĐ-BYT ngày 15/6/2023	

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

11	Sách hướng dẫn: “Hướng dẫn Chẩn đoán và điều trị các Bệnh da liễu”	Là Thành viên ban soạn thảo (biên soạn bài: Bệnh bạch biến) và Là Thư ký Hội đồng chuyên môn nghiệm thu theo QĐ số 3303/QĐ-BYT ngày 22/08/2023.		Bộ y tế	Quyết định số 4416/QĐ-BYT ngày 06/12/2023	Số xác nhận ĐKXB: 309-2024/CXBIPH/3-13/YH QĐXB số 34/QĐ-XBYH ngày 31/01/2024 ISBN: 978-604-66-6508-3
12	Quy trình kỹ thuật điều dưỡng bổ sung năm 2023	Là Phó chủ tịch Hội đồng thẩm định theo Quyết định số 1560/QĐ-BVDLTW ngày 31/8/2023.		Bệnh viện Da liễu trung ương	Quyết định 1927/QĐ-BVDLTW ngày 19/10/2023	

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

Ứng viên không thiếu tiêu chuẩn nào so với quy định hiện hành

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

.....

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

.....

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho
việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân
sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được
bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

**C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH:**

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 28 tháng 06 năm 2024

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)



ĐỖ THỊ THU HIỀN